

Số: 29/2017/QĐ-PT

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông: Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông: Lê Phước Thanh

Ông: Mai Xuân Thành

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh” giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở: Số XX đường T, phường M, quận T, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh M, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh tỉnh Phú Yên (Theo Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

Ủy quyền lại cho ông Lê Tiến D, chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng hộ sản xuất và cá nhân, Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Phú Yên (Theo Quyết định số 831/NHNOPY-TD-GUQ ngày 01/9/2017).

Địa chỉ: số 3XX đường T1, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng KT

Địa chỉ: 2XX đường T1, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí Th, chức vụ: Giám đốc

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ban Quản lý các dự án ngành A1; địa chỉ: đường TH, phường X2, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

3.2. Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng Sở A2. Địa chỉ: Số 5X đường L, phường X3, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

3.3. Ban Quản lý TĐ tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: Số 0X đường TCV, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

3.4. Ban Quản lý M thành phố T. Địa chỉ: đường T1, phường X4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

3.5. Cơ sở giáo dục Y. Địa chỉ: Thôn LT, xã H, huyện TH, tỉnh Phú Yên.

3.6. Trại giam X. Địa chỉ: Thôn PXA, xã XP, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

3.7 - 3.8. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Tường V sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 2XX đường T1, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

3.9. Chi cục Thuế thành phố T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: Đường T1, phường X4, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

3.10. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: Số XX đường Đ, phường X5, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Tại đơn kháng cáo ngày 15/5/2017, ông Trần Minh M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N theo Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/QĐST-KDTM ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng nguyên đơn khởi kiện nhưng chưa có căn cứ pháp lý làm cơ sở cho yêu cầu khởi kiện là chưa chính xác, từ đó ban hành quyết định đình chỉ vụ án là thiếu căn cứ pháp lý, không phù hợp với quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

XÉT THẤY:

Ngày 29/8/2013, nguyên đơn là Ngân hàng N khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại yêu cầu Tòa án buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng KT phải trả nợ Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/11/2014 vợ chồng ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị Tường V khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng bảo lãnh vô hiệu.

Sau khi thụ lý 02 vụ án theo quy định của pháp luật, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã ban hành Quyết định số 06/2015/QĐKDTM-ST-NVA ngày 25/3/2015 nhập vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2015/KDTM-ST ngày 24/3/2015 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng bảo lãnh vô hiệu” vào vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2014/KDTM-ST ngày 30/7/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, với các đương sự: Nguyên đơn là Ngân hàng N; bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng KT; người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Nguyễn Trung T, bà Nguyễn Thị Tường V và 08 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Kèm theo các đơn khởi kiện nêu trên, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án đầy đủ các bản sao các hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng thế chấp tài sản và các biên bản thỏa thuận quyền đòi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã đưa ra các chứng cứ để chứng minh cho quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm và yêu cầu khởi kiện là có căn cứ như các biên bản làm việc, đối chiếu xác nhận công trình giữa nguyên đơn, bị đơn và những cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ, xác minh để kiểm tra tính hợp pháp của các chứng cứ nêu trên.

Như vậy, nguyên đơn đã thực hiện việc khởi kiện vụ án, giao nộp các chứng cứ, tài liệu để chứng minh cho quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm và yêu cầu khởi kiện là đúng theo quy định tại các Điều 186, 188, 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đã được Tòa án có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn không có mặt để xác định giá trị khối lượng đã hoàn thành và hoàn thành các thủ tục nghiệm thu quyết toán, thanh lý hợp đồng nên nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (là chủ đầu tư của dự án) đều không cung cấp được chính xác số liệu cụ thể của giá trị khối lượng công trình thực tế đã hoàn thành và số tiền cụ thể phải thanh toán cho bên nhận thầu làm căn cứ cho việc thực hiện quyền đòi nợ của nguyên đơn.

Hội đồng xét thấy, căn cứ nêu trên không phải là điều kiện để khởi kiện vụ án như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng nguyên đơn khởi kiện nhưng chưa có căn cứ pháp lý làm cơ sở cho yêu cầu khởi kiện, thuộc trường hợp chưa có đủ điều kiện để ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án”. Trong trường hợp này, Tòa án cần tiếp tục áp dụng các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Trường hợp đương sự không thể giao nộp đầy đủ chứng cứ thì Tòa án căn cứ khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên họp, Kiểm sát viên tham gia phiên họp phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng chấp nhận kháng cáo, hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên để tiếp tục giải quyết vụ án.

2. Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Trả lại Ngân hàng N số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001097 ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền

